

BỘ Y TẾ
Số: 08/BYT-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 6 năm 1993

THÔNG TƯ
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Hướng dẫn chế độ kiểm toán áp dụng cho các đơn vị Bảo hiểm y tế

Thi hành Nghị định số 299/HĐBT ngày 15/8/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Điều lệ Bảo hiểm y tế, tại Thông tư số 01/TT-LB ngày 20/2/1993 của Liên Bộ Y tế - Tài chính hướng dẫn chế độ thu, chi quỹ bảo hiểm y tế quy định: "Bảo hiểm y tế tỉnh, thành phố, Bảo hiểm y tế Việt Nam thực hiện hạch toán kế toán vận dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định 257-TC/CĐKT của Bộ trưởng Bộ Tài chính". Theo đề nghị của Bảo hiểm y tế Việt Nam, sau khi được sự đồng ý của Bộ Tài chính tại công văn số 25-TC/CĐKT ngày 29/5/1993, Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Bảo hiểm y tế Việt Nam, Bảo hiểm y tế tỉnh, thành phố, ngành và các chi nhánh Bảo hiểm y tế ở các tỉnh, thành phố như sau:

I. HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN:

**A. KHÔNG SỬ DỤNG CÁC TÀI KHOẢN, TIỂU KHOẢN, TIẾT KHOẢN
TRONG QUYẾT ĐỊNH 257-TC/CĐKT:**

Tiểu khoản 101 "Tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh", tiểu khoản 102 "Tài sản cố định dùng trong hành chính sự nghiệp", tiểu khoản 103 "Tài sản cố định dùng trong phúc lợi tập thể", tiểu khoản 104 "Tài sản cố định chờ xử lý" của tài khoản 10 "Tài sản cố định". Việc hạch toán chi tiết tài sản cố định thực hiện phân loại theo công dụng của tài sản cố định.

Tài khoản 66 "Vốn tham gia liên doanh".

Tiểu khoản 693 "Thanh toán các đối tượng khác" của tài khoản 69 thanh toán với công nhân viên và các đối tượng khác.

Tiểu khoản 803 "Nguồn vốn liên doanh" của tài khoản 80 "Nguồn vốn cố định".

Tài khoản 81 "Nguồn vốn lưu động".

Các tiết khoản 8411 "kinh phí cấp năm trước", 8412 "kinh phí cấp năm sau" của tài khoản 84 "nguồn kinh phí".

Tài khoản 92 "vay đối tượng khác".

**B. SỬA LẠI TÊN, NỘI DUNG HẠCH TOÁN VÀ BỔ SUNG SỬA ĐỔI
MỘT SỐ TÀI KHOẢN, TIỂU KHOẢN, TIẾT KHOẢN TRONG
QĐ 257-TC/CĐKT NGÀY 01/6/1990 CỦA BỘ TÀI CHÍNH
CHO PHÙ HỢP VỚI BẢO HIỂM Y TẾ**

1. Tài khoản 38 "Chi hành chính sự nghiệp" đổi tên thành tài khoản 38 "Chi Bảo hiểm y tế".

Tiểu khoản 381 "Năm trước" thêm ba tiết khoản 3811 "chi khám, chữa bệnh", 3812 "chi quản lý sự nghiệp Bảo hiểm y tế", 3813 "chi phí 2% nộp lên".

Tiểu khoản 382 "Năm nay" thêm ba tiết khoản: tiết khoản 3821 "Chi khám chữa bệnh", 3822 "Chi quản lý sự nghiệp Bảo hiểm y tế", 3823 "Chi phí 2% nộp lên".

Nội dung hạch toán vào tài khoản, tiểu khoản, tiết khoản của tài khoản 38 "Chi Bảo hiểm y tế" theo mục lục ngân sách Nhà nước đồng thời phải hạch toán chi phí theo nguồn kinh phí của từng nguồn quỹ chuyên dùng của từng tiết khoản. Cuối kỳ khoản chi thuộc nguồn nào sẽ quyết toán với nguồn đó.

2. Tài khoản 51 "Tiền gửi Kho Bạc Nhà nước".

Đổi tên tiểu khoản 514 "Tiền gửi ngân hàng khác" thành "Tiền gửi ký quỹ của các tỉnh, thành phố".

Tiểu khoản này dùng cho Bảo hiểm y tế Việt Nam để phản ánh khoản tiền ký quỹ của Bảo hiểm y tế các tỉnh, thành phố ký quỹ tại Bảo hiểm y tế Việt Nam.

Tiểu khoản 515 "Tiền gửi quỹ dự phòng rủi ro".

Tiểu khoản này sử dụng cho Bảo hiểm y tế Việt Nam để phản ánh số tiền gửi về quỹ dự phòng rủi ro của ngành Bảo hiểm y tế tại ngân hàng.

Tiểu khoản 516 "Tiền gửi ngân hàng khác".

3. Tài khoản 60 "Thanh toán với người bán". Tài khoản này mở 2 tiểu khoản.

Tiểu khoản 601 "Thanh toán với người bán". Tiểu khoản này dùng cho các đơn vị Bảo hiểm y tế để phản ánh quan hệ thanh toán giữa đơn vị với người bán, người cung cấp vật tư điện nước, bưu phí... và người nhận thầu xây dựng cơ bản.

Tiểu khoản 602 "Thanh toán với cơ sở khám, chữa bệnh":

Tiểu khoản này dùng để theo dõi việc thanh toán chi phí khám, chữa bệnh giữa đơn vị Bảo hiểm y tế với các cơ sở khám, chữa bệnh theo hợp đồng ký kết cho những bệnh nhân có thể Bảo hiểm y tế.

4. Tài khoản 62 "Các khoản phải thu, phải trả".

Đổi tên tiểu khoản 622 "Các khoản phải thu, phải trả" thành "Các khoản phải thu".

Mở thêm tiểu khoản 623 "Các khoản phải trả":

Nội dung hạch toán vào tài khoản này là các khoản nợ phải thu phải trả của cá nhân trong và ngoài đơn vị và với các đơn vị khác. Ngoài ra còn hạch toán vào tài khoản 62 "Các khoản phải thu, phải trả" các khoản về thanh toán chi trả hộ tiền khám, chữa bệnh giữa các đơn vị Bảo hiểm y tế với nhau.

5. Tài khoản 63 "Thanh toán nội bộ ngành".

Đổi tên tiểu khoản 631 "Vốn kinh phí" thành "Thanh toán với chi nhánh".

Tiểu khoản này dùng cho các đơn vị Bảo hiểm y tế để phản ánh số kinh phí đã ứng cho chi nhánh và việc thanh toán kinh phí đó cho hoạt động của chi nhánh.

Mở thêm 3 tiểu khoản:

Tiểu khoản 633 "Thanh toán kinh phí 2%". Tiểu khoản này dùng cho Bảo hiểm y tế các tỉnh, thành phố phản ánh số tiền phải trích 2% về thu đóng Bảo hiểm y tế và số đã nộp về Bảo hiểm y tế Việt Nam.

Tiểu khoản 634 "Tiền ký quỹ".

Tiểu khoản này dùng cho Bảo hiểm y tế các tỉnh, thành phố, ngành để phản ánh số tiền đã gửi ký quỹ tại Bảo hiểm y tế Việt Nam để nhờ Bảo hiểm y tế Việt Nam đứng ra thanh toán chi trả